

XÃ HỘI HỌC TRONG KIỂM SOÁT DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI

NGUYỄN THỊ DIỄN*

Tóm tắt: Bệnh lây truyền từ động vật sang người (zoonotic diseases) gây nên những hiểm họa về sức khỏe toàn cầu vì có thể dẫn đến các đại dịch nếu không được quản lý chặt chẽ. Sự xuất hiện của bệnh lây truyền từ động vật là một quá trình phức tạp và được cho là có nguyên nhân từ các quá trình dịch tễ, sinh thái, và xã hội ở các cấp độ khác nhau. Trong những năm gần đây, cách tiếp cận Một Sức khỏe - One Health approach, nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau của các yếu tố nhân y, thú y và môi trường, đồng thời khuyến khích hợp tác đa lĩnh vực và liên ngành trong kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật được đề cao. Bài viết này khái quát một số đóng góp của xã hội học trong nghiên cứu các thực hành sản xuất và các nhân tố xã hội gắn với bệnh lây truyền từ động vật sang người. Bài viết cũng khẳng định vai trò của xã hội học trong việc định hình các chính sách y tế công cộng, các chiến lược truyền thông và gắn kết cộng đồng để nâng cao nhận thức về bệnh lây truyền từ động vật sang người và khuyến khích thay đổi hành vi.

Từ khóa: bệnh lây truyền từ động vật sang người, kiểm soát dịch bệnh, xã hội học sức khỏe, xã hội học thực nghiệm.

Nhận bài: 08/7/2025

Gửi phản biện: 18/7/2025

Duyệt đăng: 29/8/2025

1. Giới thiệu

Các bệnh lây truyền từ động vật sang người hiện đang gây ra các mối đe dọa lớn đối với sức khỏe và những thách thức phức tạp về khoa học và chính sách (Leach & Scoones, 2013). Kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật sang người chỉ tập trung vào một lĩnh vực, một ngành (thường là ngành y tế, bao gồm nhân y và thú y), đã không hiệu quả và không giải quyết được các thách thức của dịch bệnh này. Do tính chất ngày càng phức tạp và biến đổi không ngừng của dịch bệnh, tính hiệu quả của việc quản lý dịch bệnh không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố kỹ thuật y tế mà còn cần tới sự hiểu biết về các yếu tố xã hội và văn hóa. Các giải pháp y tế thuần túy thường tập trung vào phát triển vắc-xin, thuốc kháng sinh hoặc các biện pháp kỹ thuật mà ít chú trọng đến các yếu tố xã hội, đặc biệt là nhận thức và hành vi cộng đồng. Điều này dẫn đến tình trạng không đạt hiệu quả tối đa trong công tác phòng chống dịch bệnh. Người dân có thể không tuân thủ hướng dẫn y tế do thiếu niềm tin,

* Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

hiều biết hạn chế hoặc do các chuẩn mực xã hội khác ảnh hưởng đến hành vi cá nhân. Từ đó, các giải pháp kỹ thuật không thể kết hợp hiệu quả với các chiến lược dựa trên cộng đồng, làm giảm khả năng kiểm soát dịch bệnh. Từ những năm 2000, phương pháp tiếp cận tổng thể, liên ngành (phương pháp tiếp cận Một Sức khỏe - One Health approach) nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau của các yếu tố nhân y, thú y và môi trường, đồng thời khuyến khích hợp tác đa lĩnh vực và liên ngành trong việc giải quyết các vấn đề y tế công cộng được đề cao.

Cùng với các khoa học khác, xã hội học đã dần khẳng định tầm quan trọng của phân tích xã hội trong các nghiên cứu và thực hành can thiệp để kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt là các nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đến nhận thức và hành vi nguy cơ cũng như khả năng phòng ngừa, ứng phó và phục hồi của xã hội trước dịch bệnh. Thực tế cho thấy, trong các dự án kiểm soát dịch cúm gia cầm, sốt xuất huyết hay các bệnh truyền nhiễm khác, nhận thức của cộng đồng về nguyên nhân và nguy cơ dịch bệnh là yếu tố quyết định mức độ tuân thủ các biện pháp phòng tránh như tiêu hủy gia cầm, giữ vệ sinh môi trường hoặc sử dụng các biện pháp phòng hộ (Figué et al., 2015). Các chiến lược dựa trên cộng đồng, như truyền thông phù hợp, giáo dục cộng đồng, đã chứng minh sức mạnh trong việc giảm tỷ lệ mắc bệnh, và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả hơn các biện pháp kỹ thuật đơn thuần (He et al., 2022). Rất nhiều dự án nghiên cứu đã khuyến khích nhà khoa học ở các lĩnh vực khác nhau (thú y, nhân y, sinh thái học,... và khoa học xã hội) cùng phối hợp, hợp tác để làm sáng tỏ các quá trình dịch tễ và quá trình xã hội đang diễn ra, nhằm tìm ra các giải pháp tối ưu để kiểm soát sự xuất hiện và lây lan của dịch bệnh, đồng thời xây dựng các chiến lược can thiệp toàn diện, phù hợp và bền vững hơn trong công tác phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác thực hiện nghiên cứu và thực hành can thiệp nhằm kiểm soát dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người, các mô hình phối hợp nghiên cứu này cũng có những thách thức rất lớn, đồng thời lại bị hiểu là khoa học trung lập, thông tin cho chính sách một chiều. Sự khác biệt trong quan điểm, phương pháp nghiên cứu, kiến thức nền tảng, ngôn ngữ trình bày và các nguồn lực khác là những trở ngại lớn trong thiết kế và thực hiện các sáng kiến phối hợp liên ngành¹ trong cách tiếp cận “Một Sức khỏe” (dos S. Ribeiro et al., 2019). Đồng thời, hiện nay, các nghiên cứu đề cập đến cách thức phối hợp giữa các nhà khoa học trong loại hình nghiên cứu liên ngành này còn khá hạn chế (Anholt et al., 2012).

Trên cơ sở tổng hợp các tài liệu liên quan và tổng kết kinh nghiệm từ các dự án mà tác giả đã thực hiện, bài viết này tập trung vào các khía cạnh sau đây: (1) Vai trò của xã hội học trong nghiên cứu liên ngành và các cách can thiệp nhằm quản lý dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người; (2) Những thách thức của xã hội học trong nghiên cứu liên ngành

¹ Một tổng quan tài liệu có hệ thống từ 56 bài báo đã mô tả 21 thách thức mà các sáng kiến “Một Sức khỏe” đang phải đối mặt, liên quan đến các chủ đề khác nhau (chính sách và tài trợ; giáo dục và đào tạo; giám sát; hợp tác đa tác nhân, đa lĩnh vực và đa cấp; và bằng chứng). Những thách thức này xảy ra trong ba giai đoạn khác nhau: bắt đầu một sáng kiến, thực hiện sáng kiến và giám sát và đánh giá sáng kiến (Anholt et al., 2012).

về dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người; (3) Một số trường hợp về phối hợp giữa xã hội học và các khoa học khác trong nghiên cứu bệnh lây truyền từ động vật sang người.

2. Vai trò của xã hội học trong nghiên cứu liên ngành và các can thiệp nhằm kiểm soát dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người

Sự xuất hiện, lây truyền và mức độ rủi ro của bệnh truyền từ động vật sang người (zoonotics) được định hình bởi các tương tác phức tạp của quá trình dịch tễ, sinh thái, xã hội và công nghệ, đồng thời chịu ảnh hưởng của các động lực kinh tế, xã hội và môi trường rộng hơn. Mỗi bệnh lây truyền từ động vật sang người đều liên quan đến một tập hợp các hành vi nguy cơ gắn với các tác nhân gây bệnh và hành vi phòng ngừa gắn với việc ngăn chặn bệnh lây lan bao gồm cả việc sử dụng thuốc và vắc-xin. Từ năm 1940, có đến 60% bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người mới nổi như cúm gia cầm, COVID-19, Ebola, SARS-CoV, và các căn bệnh khác bắt nguồn hoặc liên quan đến các loài động vật nuôi hoặc động vật hoang dã (Jones et al., 2008), đồng thời thể hiện rõ mối liên hệ mật thiết giữa sức khỏe con người, sức khỏe động vật và môi trường tự nhiên. Chính vì thế, phương pháp tiếp cận liên ngành và tích hợp giải quyết đồng thời các khía cạnh của con người, động vật và hệ sinh thái, gọi là phương pháp tiếp cận "Một Sức khỏe - One Health" ngày càng được thừa nhận như một chiến lược toàn diện trong quản lý, kiểm soát dịch bệnh liên ngành, nhằm đối phó các thách thức của dịch bệnh mới nổi.

Phương pháp tiếp cận “Một Sức khỏe”, được phát triển từ năm 2004 như một phong trào quốc tế và liên ngành, công nhận và khẳng định rằng sức khỏe của con người, động vật và hệ sinh thái có mối liên hệ chặt chẽ với nhau² (Ancheta et al., 2021). Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về “Một Sức khỏe” nhưng đa phần các nghiên cứu mới đây đều thống nhất định nghĩa do Nhóm chuyên gia cấp cao về Một Sức khỏe (One Health High Level Expert Panel - OHHLEP) gồm 29 thành viên là các nhóm cố vấn khoa học và chiến lược cho 4 tổ chức - Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) đưa ra. Theo nhóm này, “*Một Sức khỏe*” là *một phương pháp tiếp cận tích hợp, thống nhất nhằm mục đích cân bằng và tối ưu hóa sức khỏe của con người, động vật và hệ sinh thái một cách bền vững* (OHHLEP, 2021). Phương pháp này thừa nhận sức khỏe của con người, động vật hoang dã và động vật nuôi, thực vật và môi trường rộng lớn hơn (bao gồm cả hệ sinh thái) có mối liên hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Phương pháp này huy động nhiều lĩnh vực, ngành và cộng đồng ở nhiều cấp độ khác nhau của xã hội cùng nhau làm việc để giải quyết các mối đe dọa đối với sức khỏe và hệ sinh thái, đồng thời giải quyết nhu cầu chung về nước sạch, năng lượng và không khí, thực phẩm an toàn và bổ dưỡng, hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và đóng góp vào phát triển bền vững. Trong “Một Sức khỏe”, các lĩnh vực liên ngành tham gia vào kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật sang người bao

² Khái niệm “Một Thế giới, Một Sức khỏe”, tiền thân của “Một sức khỏe”, lần đầu tiên được giới thiệu vào tháng 9 năm 2004 tại một hội nghị chuyên đề do Hiệp hội bảo tồn động vật hoang dã (WCS) tổ chức, được Đại học Rockefeller ở thành phố New York đăng cai.

gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, môi trường, khoa học xã hội, khoa học quản lý, khoa học công nghệ và truyền thông,... Phương pháp tiếp cận “Một Sức khỏe” được đánh giá là một sự thay đổi mang tính hệ thống trong quan điểm quản lý rủi ro cho đến nay.

Trong “Một Sức khỏe”, bằng cách kết hợp các hiểu biết về xã hội học với các quan điểm sinh học và sinh thái, các nhà nghiên cứu có thể hiểu toàn diện hơn về động lực của bệnh lây truyền từ động vật sang người. Xã hội học đóng góp vào việc nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm từ động vật ở nhiều khía cạnh khác nhau.

Ở cấp độ hành vi, xã hội học đóng góp trong việc hiểu về hành vi của con người và nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm từ động vật. Đời sống của con người không tách rời khỏi việc tiếp xúc với động vật và thịt động vật. Xã hội học nghiên cứu các tương tác giữa con người và động vật trong các bối cảnh khác nhau và ảnh hưởng của các hoạt động của con người đến nguy cơ lây lan bệnh từ động vật sang người. Các thực hành sản xuất và tiêu thụ thực phẩm như săn bắn, làm nông, chăm sóc và buôn bán động vật, các chuẩn mực và tập quán văn hóa liên quan đến chế biến thực phẩm, vệ sinh và xử lý động vật,... của các cá nhân và cộng đồng đều thể hiện mức độ tiếp xúc của con người với các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm từ động vật (qua nhiều con đường khác nhau), có thể làm tăng hoặc giảm nguy cơ bùng phát và lây truyền bệnh từ động vật sang người. Ví dụ, ở Việt Nam, thói quen ăn thịt chưa nấu chín, thịt sống (ăn gỏi), nuôi nhốt động vật hoang dã và thói quen tiêu thụ thịt động vật hoang dã (làm thức ăn, ngâm rượu, làm thuốc,...) có thể làm tăng khả năng con người tiếp xúc với các tác nhân gây bệnh từ động vật (Latinne & Padungtod, 2025; Van et al., 2008). Bằng cách xem xét các yếu tố xã hội, văn hóa và hành vi ảnh hưởng đến sự lây truyền và xuất hiện của bệnh, các nghiên cứu xã hội học có thể đóng góp vào việc thiết kế các biện pháp can thiệp phù hợp với văn hóa và phát triển các chiến lược hiệu quả hơn để phòng ngừa và kiểm soát (Ellwanger & Chies, 2021; Keusch et al., 2009).

Ở cấp độ cấu trúc, xã hội học xem xét ảnh hưởng của cấu trúc xã hội và bất bình đẳng đến nguy cơ xuất hiện và lây truyền bệnh. Các yếu tố kinh tế-xã hội, như giới (Bagnol et al., 2015), đói nghèo và thiếu khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có thể tạo ra các lỗ hổng đối với các bệnh truyền nhiễm từ động vật. Ở Việt Nam, nghiên cứu về giới trong chăn nuôi gia cầm đã chỉ ra mối quan hệ giữa các thực hành chăn nuôi do phụ nữ thực hiện mang đến các kết quả tích cực trong việc giảm thiểu các nguy cơ dịch bệnh, giảm chi phí sản xuất và nâng cao thu nhập. Phụ nữ thường đưa ra quyết định có tính an toàn, áp dụng chiến lược để vượt qua các khó khăn tài chính và tránh phụ thuộc vào tín dụng. Để giảm chi phí, họ chọn nuôi gà mái để bán cho các nhà hàng lẩu vì con giống gà mái rẻ hơn, chi phí nuôi ít hơn. Thời gian nuôi gà mái cũng ngắn hơn, đồng nghĩa là gà tránh được một số bệnh, và đây cũng là một trong những lý do thúc đẩy phụ nữ chọn nuôi gà mái chứ không phải gà trống. Phụ nữ chăn nuôi gà cũng thích qui mô nhỏ hơn (<2.000 con mỗi lứa) vì chăn nuôi qui mô nhỏ cho phép sử dụng các sản phẩm thay thế kháng sinh như tỏi và các thảo dược. Sử dụng các thảo dược này giúp giảm đáng kể dư lượng kháng sinh trong gà. Phụ nữ chăn nuôi gà hay sử dụng thức ăn phối trộn nấu chín và chăn nuôi theo mô hình chuồng mở khẳng định rằng trang trại của họ đảm bảo an toàn sinh học và thức ăn phối trộn

là rất giàu dinh dưỡng. Hệ thống chuồng mở khiến cho gà ít căng thẳng hơn, và vì gà được tự do kiếm ăn nên chúng khỏe hơn. Ngoài ra, các hoạt động nông nghiệp khác cũng được phụ nữ làm kết hợp với chăn nuôi gà. Tất cả các thực hành này cho phép phụ nữ với số vốn ít có thể duy trì trang trại của họ và thích ứng được với các biến động của thị trường cũng như bệnh dịch. Các nghiên cứu xã hội học cũng chỉ ra các nhóm dân số bị thiệt thòi có thể phải đối mặt với nguy cơ phơi nhiễm cao hơn do điều kiện sống, nghề nghiệp hoặc khả năng tiếp cận hạn chế với các nguồn lực để phòng ngừa và điều trị. Xã hội học cũng nghiên cứu các bối cảnh xã hội như toàn cầu hóa, bao gồm cả các mô hình di cư và sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm từ động vật qua biên giới và dân số. Tình trạng phá rừng, đô thị hóa và các thay đổi môi trường khác do hoạt động của con người gây ra có thể làm thay đổi hệ sinh thái và khiến con người tiếp xúc gần hơn với các ổ chứa bệnh từ động vật, làm tăng nguy cơ lây lan bệnh từ động vật sang người.

Xã hội học cũng nghiên cứu chính sách và các phản ứng y tế công cộng như một nhân tố xã hội, đồng thời cung cấp thông tin cho việc phát triển các chính sách và biện pháp can thiệp y tế công cộng hiệu quả bằng cách xem xét các bối cảnh xã hội và văn hóa (Batie et al., 2025; Khaitsa et al., 2017). Việc hiểu cách nhà nước và cộng đồng nhận thức cũng như phản ứng với các đợt bùng phát dịch bệnh là rất quan trọng để phòng ngừa và kiểm soát thành công.

Ở góc độ phương pháp nghiên cứu, xã hội học đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng các phương pháp định tính và định lượng, đặc biệt là cách tiếp cận có sự tham gia trong thu thập và phân tích số liệu và thông tin cho các nghiên cứu về các dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người. Sự đa dạng trong phương pháp nghiên cứu xã hội học, đặc biệt là các nghiên cứu hiện trường đã bổ sung cho các cơ sở dữ liệu chính thống của nhà nước, các ngành và các cơ quan về dịch bệnh (Batie et al., 2025; Dien et al., 2023; Houghton et al., 2025). Các nhà xã hội học ứng dụng các phương pháp nghiên cứu có sự tham gia, liên quan đến cộng đồng trong việc thiết kế và thực hiện các biện pháp can thiệp, dẫn đến các giải pháp bền vững hơn và phù hợp với văn hóa hơn.

Bằng cách kết hợp các nghiên cứu xã hội học, nghiên cứu về bệnh lây truyền từ động vật có thể vượt ra ngoài các phương pháp tiếp cận truyền thống, thuần túy về mặt sinh học và dịch tễ học để đưa các yếu tố xã hội, văn hóa và hành vi vào sự xuất hiện, lây truyền và tác động của bệnh. Xã hội học cũng mang đến một hướng tiếp cận tích cực đối với sức khỏe xã hội, đặc biệt là tạo dựng cách nhìn nhận cân bằng và hài hòa, cũng như khôi phục tính liên tục, sự gắn kết giữa con người, xã hội và môi trường. Về thực tiễn, các nghiên cứu xã hội học góp phần vào việc cải thiện khả năng phát hiện sớm và chẩn đoán chính xác về sự xuất hiện của các bệnh truyền nhiễm trong quá trình tiếp xúc giữa con người và động vật. Việc chia sẻ dữ liệu, thông tin về dịch bệnh, các biến đổi sinh thái, tập quán nuôi, khai thác động vật, ... không những giúp phát hiện nguy cơ dịch mới hoặc tái phát và các cách thức mà các bệnh truyền nhiễm có thể dẫn đến đại dịch, mà còn tăng cường năng lực cảnh báo, phân tích chính xác các yếu tố nguy cơ và thực hiện ứng phó nhanh thông qua các biện pháp kiểm soát, khoanh vùng, cách ly, xử lý kịp thời trong tình huống dịch bệnh bùng phát. Nghiên cứu xã hội học cũng góp phần tối ưu hoá các nguồn lực, kiến thức, công nghệ trong

ứng phó dịch bệnh, đồng thời hình thành nền tảng chính sách và pháp lý thống nhất, phù hợp hơn với thực tiễn.

3. Những thách thức của xã hội học trong nghiên cứu liên ngành về dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người

Mặc dù vai trò của xã hội học trong nghiên cứu liên ngành về dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người là vô cùng quan trọng, các kết quả nghiên cứu của xã hội học không chỉ mang tính thông tin mà còn kiểm chứng kết quả nghiên cứu từ các lĩnh vực kỹ thuật khác. Tuy nhiên, vấn đề là làm thế nào để xã hội học có thể hoàn thành được vai trò của mình?

Thách thức đầu tiên liên quan đến việc hiểu và nhận thức rõ về nghiên cứu liên ngành. Nghiên cứu liên ngành từ lâu bị hiểu sai là một loại hình nghiên cứu bao trùm nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, và do đó người nghiên cứu ở một lĩnh vực có thể thấu hiểu hết các nội dung của các lĩnh vực khác. Người nghiên cứu liên ngành được cho là có bộ óc bách khoa toàn thư của các lĩnh vực. Trên thực tế, nghiên cứu liên ngành cần được hiểu là những nghiên cứu bao gồm sự phối hợp các kiến thức, khái niệm, lý thuyết, quan điểm, công cụ, kỹ thuật,... từ nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau để giải quyết những vấn đề phức tạp. Nghiên cứu liên ngành do đó nhấn mạnh sự phối hợp và hợp tác giữa các nhà nghiên cứu ở các ngành, các lĩnh vực khác nhau, mỗi nhà nghiên cứu có kiến thức chuyên môn, phương pháp và quan điểm lý thuyết của ngành hay lĩnh vực đó (Peek & Guikema, 2021; Rodela et al., 2019). Trên thực tế, các ý tưởng, phương pháp, cách tiếp cận từ lĩnh vực chuyên môn của các chuyên gia chuyên ngành vẫn nổi trội trong cách suy nghĩ của họ. Do đó, việc tích hợp xã hội học vào các phương pháp tiếp cận Một Sức khỏe không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ. Điều này tạo ra xung đột giữa xã hội học hay khoa học xã hội nói chung và các khoa học kỹ thuật khác. Trong quá trình làm việc cùng nhau, việc chia sẻ và thảo luận với các đồng nghiệp ở lĩnh vực khác gặp nhiều thách thức trong việc hiểu ngôn ngữ của nhau nhưng là vô cùng quan trọng để tìm ra sự thật. Sự bất đồng là không thể tránh khỏi vì nền tảng kiến thức và phương pháp nghiên cứu của các ngành và lĩnh vực là rất khác nhau. Vì thế, trong quá trình phối hợp nghiên cứu, các nhà nghiên cứu cần đứng ở góc độ chuyên môn của mình để lắng nghe, chia sẻ và học hỏi từ các đồng nghiệp ở lĩnh vực khác. Ở khía cạnh khác, nghiên cứu liên ngành cũng không phải là một sự kết hợp đơn thuần các chuyên gia hay các nhà nghiên cứu ở các ngành hay lĩnh vực khác nhau mà là sự phối hợp chủ động của các nhà khoa học để tạo ra các lý thuyết mới, giải pháp mới, phương pháp mới mà nghiên cứu đơn ngành không có được.

Bên cạnh sự va đập giữa xã hội học và các khoa học kỹ thuật, vấn đề tiếp theo là khoa học xã hội trong nghiên cứu liên ngành về các dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người không chỉ bao gồm xã hội học mà còn có các khoa học xã hội khác như tâm lý học, nhân học, kinh tế học, luật học, khoa học chính trị... Các khoa học này cũng có đối tượng nghiên cứu ở các góc độ khác nhau liên quan đến hành vi con người và cấu trúc xã hội. Mặc dù chia sẻ một số tương đồng, mỗi ngành khoa học xã hội này lại có quan điểm lý thuyết, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu riêng. Do đó, việc tích hợp nhiều hơn một chuyên ngành trong khoa học xã hội vào phương pháp tiếp cận liên ngành trong Một Sức khỏe có

thể tạo ra một số xung đột dẫn đến hiểu lầm. Vì thế sự phối hợp nghiên cứu giữa các nhà xã hội học và các nhà khoa học xã hội khác cũng đòi hỏi cần có sự chia sẻ thông tin và kiến thức để bổ sung cho nhau. Những phát hiện mới về khía cạnh xã hội, trong nghiên cứu liên ngành về dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người, do đó không phải chỉ là đóng góp riêng của xã hội học mà trong nhiều trường hợp là kết quả của sự phối hợp giữa các ngành khoa học xã hội nói chung.

Về thực tiễn, kiến thức xã hội học gắn với đời sống xã hội và hành động của con người (có tính cá nhân hay tính tập thể). Các hoạt động này diễn ra hàng ngày, các vấn đề xã hội được xã hội học đề cập tới cũng là những vấn đề mà người bình thường biết và trải nghiệm, mọi người đều quen thuộc với điều đó và do đó hình thành nên kiến thức thông thường. Tuy nhiên, kiến thức thông thường không phải là kiến thức của xã hội học nhưng lại được các đồng nghiệp trong các lĩnh vực khác hiểu là kiến thức xã hội học. Điều này đòi hỏi các nhà xã hội học và các đồng nghiệp chuyên ngành khác phải có những cuộc thảo luận để tổng hợp và biên “kiến thức quen thuộc” mà mọi người hiểu thành “kiến thức lạ” của các chuyên gia nhằm mục tiêu giải quyết hiệu quả các thách thức trong quản lý dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Một khía cạnh khác của thực tiễn nghiên cứu, mặc dù có sự công nhận vai trò của xã hội học trong quản lý dịch bệnh, các nhà khoa học sức khỏe, dịch tễ học thường sử dụng các phương pháp của xã hội học như những công cụ mà họ không được đào tạo và cũng không nắm vững nền tảng lý thuyết. Khoảng cách này càng được khuếch đại thêm do tính không đồng nhất giữa các chuyên ngành lĩnh vực khoa học xã hội (nhân học, kinh tế, giáo dục, luật, khoa học chính trị, tâm lý học, xã hội học) như trên đã trình bày. Hơn nữa, do nhiều nguyên nhân, đặc biệt là các dự án nghiên cứu về dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người thường đòi hỏi những can thiệp cụ thể, có sản phẩm cụ thể được thương mại hoá, các nhà khoa học xã hội nói chung và các nhà xã hội học nói riêng ít khi làm chủ dự án. Do đó, khi các nhà nghiên cứu khoa học xã hội được mời tham gia các dự án Một Sức khỏe, sự tham gia của họ được đưa vào như một suy nghĩ sau cùng trong các dự án, vai trò của họ thường là "phần bổ sung" cho quá trình nghiên cứu (Roger et al., 2025).

4. Một số trường hợp về phối hợp giữa xã hội học và các khoa học khác trong nghiên cứu bệnh lây truyền từ động vật sang người.

4.1. Dự án “Giám sát kháng kháng sinh Một sức khỏe ở Việt Nam” (2017-2019)

Kháng kháng sinh (ABR) là một hiểm họa y tế toàn cầu cần thiết phải thực thi một hệ thống giám sát liên ngành và đa lĩnh vực, gắn liền với khái niệm “Một Sức khỏe”. Cộng đồng quốc tế đã ủng hộ mạnh mẽ việc thực thi hệ thống giám sát “Một Sức khỏe” trong kháng kháng sinh ở cấp độ quốc gia. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng chiến lược liên bộ về kháng kháng sinh, bao gồm một hệ thống giám sát hướng tới các bệnh viện, cộng đồng, chăn nuôi động vật làm thực phẩm và thực phẩm bán lẻ. Tuy nhiên, các cơ quan được giao các nhiệm vụ giám sát đang đối mặt với những khó khăn trong việc thực hiện hợp tác liên ngành và đa lĩnh vực được nêu ra ở cấp độ chính sách. Để hiểu những nguyên nhân căn bản dẫn đến thành công hay thất bại trong việc hợp tác và đề xuất các giải

pháp khắc phục khó khăn, dự án “Giám sát kháng kháng sinh Một Sức khỏe ở Việt Nam” đã tiến hành phỏng vấn tất cả các bên hữu quan trong chiến lược quốc gia này. Dự án đã xác định 7 nhân tố có ảnh hưởng đến sự hợp tác trong cách tiếp cận “Một Sức khỏe”. Để khắc phục các trở ngại này, dự án đã đề xuất một mô hình mới cho việc quản lý giám sát kháng kháng sinh hiệu quả và bền vững hơn, nhấn mạnh rằng các hành động cần phải thực hiện để tăng cường hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa các bên hữu quan và cung cấp một khung pháp lý phù hợp để thực hiện các hoạt động hợp tác. Việc phát triển các hoạt động hợp tác trong giám sát kháng kháng sinh mà các bên hữu quan chấp nhận và áp dụng được có thể giúp khởi xướng một “cộng đồng thực hành” cho hệ thống giám sát kháng kháng sinh “Một Sức khỏe” ở Việt Nam.

Trong dự án này, xã hội học đã có đóng góp đáng kể trong việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hợp tác giữa các ngành và lĩnh vực cùng các thách thức trong việc thực hiện chiến lược giám sát kháng kháng sinh “Một Sức khỏe”. Nghiên cứu xã hội học chỉ ra rằng Chính phủ Việt Nam đã phát triển một chiến lược liên bộ chống lại kháng kháng sinh bao gồm một hệ thống giám sát liên lĩnh vực, hướng tới các bệnh viện, cộng đồng, chăn nuôi động vật làm thực phẩm và thực phẩm bán lẻ. Các chính sách và công cụ pháp lý đã được ban hành chứng tỏ sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc hợp tác chống lại kháng kháng sinh. Các hợp phần của giám sát theo lĩnh vực đã được thực hiện, hoặc chuẩn bị thực hiện, ở các khu vực chính. Các bộ phận kỹ thuật đã được giao các hoạt động giám sát đang thực hiện kế hoạch hợp tác tổng thể ở cấp độ chính sách. Tuy nhiên các cơ quan này đã nhận thấy những khó khăn trong các hoạt động ngoài lĩnh vực của mình. Mặc dù một số sáng kiến giữa các ngành, các lĩnh vực đã xuất hiện, tuy nhiên việc tổ chức hệ thống giám sát quốc gia vẫn theo hướng đơn lẻ là chủ yếu (Bordier et al., 2018). Các phỏng vấn tham dự trong xã hội học cho phép xác định 7 nhân tố có thể giải thích những khó khăn mà các bên hữu quan gặp phải khi thực hiện hoạt động hợp tác.

- Các mô hình quản trị và thực hiện của chiến lược “Một Sức khỏe”: Bộ Y tế có nhiệm vụ thực hiện kế hoạch hành động liên bộ, trong khi bộ này không có thẩm quyền đối với các bộ khác. Ủy ban Quốc gia được chỉ định tuân theo việc thực hiện kế hoạch hành động chủ yếu nhằm thảo luận các vấn đề có tính chiến lược mà không cung cấp khung pháp lý phù hợp cho các hoạt động hợp tác giữa các cơ quan.

- Văn hóa của các cơ quan: Các bên hữu quan cho biết có sự đồng thời tồn tại những khác biệt về văn hóa và chương trình nghị sự giữa các cơ quan trong cùng hoặc khác lĩnh vực. Điều này dẫn tới một thực tế là các cơ quan rất ít hiểu biết lẫn nhau và thiếu các mục tiêu chung của các hoạt động giám sát.

- Trình độ kiến thức: Một số bên hữu quan cho biết không nhận thấy giá trị tăng thêm nào của việc hợp tác liên lĩnh vực hoặc không xác định được những hoạt động hợp tác có thể có trong các hoạt động giám sát. Điều này được giải thích bởi việc thiếu kiến thức về: (i) Sự phức tạp của dịch tễ học kháng kháng sinh; (ii) Chức năng của hệ thống giám sát “Một Sức khỏe”; (iii) Chiến lược quốc gia.

- Năng lực kỹ thuật: Những ưu tiên cho việc xây dựng và tăng cường các hợp phần giám sát theo lĩnh vực, thường được coi là đòi hỏi cần thiết ban đầu trong việc thực hiện các hợp tác liên lĩnh vực và hợp tác quốc tế đối với hầu hết các lĩnh vực. Trong một số lĩnh vực, các tác nhân cho rằng những số liệu họ đang thu thập có chất lượng quá kém để có thể chia sẻ với bất kỳ ai quan tâm.

- Nguồn lực: Các bên hữu quan phân nản về việc thiếu nguồn lực cần thiết cho các hoạt động giám sát trong lĩnh vực, do đó quá thiếu cho việc thực hiện các hoạt động hợp tác liên cơ quan được nêu ra trong chiến lược quốc gia.

- Xung đột lợi ích thương mại: Một số bên hữu quan lo ngại về thu nhập từ việc thương mại hoá kháng sinh có thể làm ảnh hưởng đến sự tham gia của lĩnh vực tư nhân trong chiến lược giám sát.

- Sự ảnh hưởng của các đối tác quốc tế: Các tổ chức liên chính phủ và sự ủng hộ của các nhà tài trợ thường nhắm đến một cơ quan riêng lẻ và không cho phép thực hiện các hoạt động giữa các lĩnh vực. Cách tiếp cận này đang ảnh hưởng đến việc tài trợ tài chính của Chính phủ đối với bộ phận này có thể gây thiệt hại cho bộ phận kia.

4.2. Dự án “Một Sức khỏe Gia cầm - One Health Poultry Hub” (2019-2024)

Ở Nam Á và Đông Nam Á, chăn nuôi gia cầm phát triển nhanh chóng và chuỗi giá trị gia cầm đa dạng hơn so với các nước có thu nhập cao. Thâm canh, trong các ngành chăn nuôi gia cầm có tổ chức hoặc không chính thức, nhằm mục đích sản xuất nguồn protein giá rẻ cho các gia đình và cho thị trường địa phương, quốc gia và khu vực nhưng cũng có thể thúc đẩy phát sinh các nguy cơ về sức khỏe. Mật độ đàn cao, quay vòng nhanh, đồng nhất di truyền, mạng lưới buôn bán và vận chuyển phức tạp, chợ gia cầm sống, an toàn sinh học kém và sử dụng thuốc kháng sinh và vắc-xin không phù hợp đều đóng vai trò trong sự tiến hóa của mầm bệnh-vật chủ và trong việc xuất hiện các chủng mầm bệnh độc lực cao, kháng vắc-xin và/hoặc kháng kháng sinh và có nhiều vật chủ (*One Health Poultry Hub*, n.d.). Dự án “Một Sức khỏe Gia cầm” có mục tiêu: (1) Thiết lập các mối liên hệ nhân quả cụ thể giữa kinh tế-xã hội, hành vi của con người, sự tiến hóa của mầm bệnh và lây truyền bệnh, (2) Xác định các điểm có nguy cơ đặc biệt cao trong chuỗi và mạng lưới sản xuất gia cầm, (3) Thử nghiệm, đánh giá các can thiệp.

Vai trò của xã hội học trong dự án này chủ yếu gắn với việc phân tích tương tác giữa các tác nhân liên quan trong chuỗi giá trị gia cầm. Để giảm nguy cơ đối với sức khỏe con người và động vật đòi hỏi sự can thiệp toàn diện (kỹ thuật, hành vi và thể chế) được thiết kế và thực hiện trên tất cả các cấp độ của các hệ thống sản xuất. Thông qua nghiên cứu chuỗi giá trị gia cầm ở các mức độ thâm canh khác nhau tại 4 quốc gia (Bangladesh, Ấn Độ, Sri Lanka và Việt Nam), dự án có được những hiểu biết sâu sắc và khái quát về các yếu tố sản xuất làm tăng nguy cơ, bao gồm cả những yếu tố chi phối việc ra quyết định và hành vi trong các chuỗi giá trị. Sử dụng các phương pháp tiên tiến giúp nâng cao giá trị khoa học vi sinh, dịch tễ học và xã hội hiện có, dự án góp phần đưa ra bằng chứng dựa trên kết quả nghiên cứu nhằm hỗ trợ các chính sách và hệ thống để có thể đáp ứng nhu cầu dự báo trong khi giảm thiểu những nguy cơ bất lợi cho sức khỏe cộng đồng. Để đảm bảo mức

độ phù hợp toàn cầu, dự án nghiên cứu ở các nước khác nhau về mức độ thâm canh, cũng như bối cảnh dịch tễ, kinh tế, xã hội và văn hóa. Với tầm nhìn bao quát, dự án có một danh mục nghiên cứu có thể mở rộng và có năng lực để đóng vai trò chiến lược trong một chương trình nghị sự đổi mới toàn cầu.

Ở Việt Nam, đóng góp của xã hội học chủ yếu tập trung vào phân tích vai trò của các tác nhân trong chuỗi giá trị gia cầm (Dien et al., 2023), vai trò của việc đảm bảo sinh kế trong quản lý bệnh dịch từ động vật sang người (Houghton et al., 2025), các quan hệ tài chính và quan hệ giới trong chuỗi giá trị gia cầm (Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Thị Minh Khuê và Phạm Thị Thu Hà, 2024). Nghiên cứu xã hội học là cơ sở để các nghiên cứu dịch tễ và thú y xác định các ưu tiên nghiên cứu và phân tích tồn dư kháng sinh trên gia cầm, từ đó đề xuất các can thiệp phù hợp.

4.3. Dự án “ROADMAP - Xem xét lại việc sử dụng thuốc kháng sinh trong hệ thống sản xuất chăn nuôi” (2020-2023)

Sử dụng quá mức và không đúng cách thuốc kháng sinh là nguyên nhân cơ bản góp phần vào sự xuất hiện và lây lan tình trạng kháng thuốc (Anti-microbials Resistance - AMR), gây ra mối đe dọa đáng kể đối với sức khỏe cộng đồng toàn cầu và an ninh lương thực. Mặc dù sức khỏe con người và động vật cần thuốc kháng khuẩn, nhưng người ta ước tính rằng hai phần ba mức tăng sử dụng thuốc kháng sinh (Anti-microbials Usage - AMU) trong tương lai trên toàn thế giới sẽ là trong sản xuất động vật. Do đó, cải thiện việc quản lý AMU trong chăn nuôi là một thành phần quan trọng để giải quyết AMR và tối ưu hóa sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi. Tuy nhiên, kê đơn và phân phối thuốc kháng sinh thay đổi rất nhiều theo bối cảnh quốc gia và địa phương, hệ thống sản xuất hoặc lĩnh vực. Do đó, không có một giải pháp chung nào để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang AMU thận trọng. Để đồng nhất hóa xu hướng giảm AMU trên khắp châu Âu, ROADMAP sẽ xác định rõ ràng các yếu tố khác nhau giải thích những biến động này và đưa ra các giải pháp để giải quyết chúng (ROADMAP - ROADMAP Homepage, n.d.).

Mục tiêu chung của ROADMAP là thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sử dụng kháng sinh thận trọng (AMU) trong sản xuất động vật trong nhiều bối cảnh khác nhau. Sự thay đổi này sẽ đạt được thông qua việc cải thiện các hệ thống quyết định kháng sinh trên toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm và thuốc. Tính độc đáo của ROADMAP nằm ở chỗ lần đầu tiên một dự án sẽ áp dụng các phương pháp tiếp cận khái niệm "hệ thống thực phẩm" và "con đường chuyển đổi" cho chủ đề AMU. Cho đến nay, nghiên cứu tập trung vào các giải pháp kỹ thuật và thay đổi hành vi, nhưng không tập trung vào hiểu biết rộng hơn về động lực hệ thống và do đó cần có những thay đổi. Khung lý thuyết và phương pháp luận mới của ROADMAP cho phép thực hiện và mang lại kiến thức và giải pháp mới cho vấn đề quan trọng về kháng thuốc kháng sinh (AMR).

Thông qua quan điểm liên ngành và đa tác nhân, ROADMAP giải quyết thách thức quan trọng nhất trong cuộc chiến chống lại AMR, tức là tìm ra các giải pháp phù hợp với bối cảnh địa phương. Nó sẽ rút ra bài học từ các quốc gia và hệ thống sản xuất đã giảm AMU và dựa vào kinh nghiệm thành công để xây dựng các kịch bản chuyển đổi có thể huy

động tất cả các bên liên quan tham gia vào quản lý sức khỏe động vật (từ nông dân và bác sĩ thú y đến các ngành công nghiệp thương mại, hạ nguồn và các cơ quan công quyền). Hơn nữa, bằng cách thực hiện công tác thực địa từ các khu vực khác nhau của châu Âu và các quốc gia thu nhập thấp và trung bình, ROADMAP góp phần điều hòa các xu hướng và động lực hướng tới việc sử dụng kháng sinh (AM) một cách thận trọng trong chăn nuôi động vật.

Cuối cùng, ROADMAP tác động đến nhiều bên liên quan tham gia vào việc xem xét lại quản lý sản xuất động vật. Bằng cách kết hợp kinh tế, khoa học xã hội, động vật và thú y, ROADMAP sẽ không chỉ cung cấp các giải pháp kỹ thuật hiệu quả để thúc đẩy AMU thận trọng mà còn đưa ra các công cụ và động lực kinh tế-xã hội đảm bảo khả năng chấp nhận và do đó thực hiện được. Các con đường chuyển đổi liên quan đến tất cả các chuỗi cung ứng thực phẩm và dược phẩm thực sự sẽ giúp thúc đẩy việc giảm AMU trên toàn cầu, được thúc đẩy bởi sự kết hợp các chiến lược phù hợp với các hệ thống sản xuất khác nhau.

Trên quan điểm cho rằng không thể có một mô hình chung phù hợp cho tất cả (one fits all), dự án ROADMAP hướng đến các nghiên cứu trường hợp ở 10 quốc gia. Ở Việt Nam, dự án tập trung lập bản đồ các bên liên quan trong chuỗi giá trị sản phẩm thuốc thú y nhằm phân tích mối quan hệ và vai trò của các bên liên quan đến những thay đổi trong chính sách sử dụng thuốc kháng sinh ở Việt Nam. Nghiên cứu xã hội học cho thấy, tại Việt Nam, tình trạng lạm dụng và sử dụng quá mức thuốc kháng sinh trong chăn nuôi vẫn tồn tại. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai Kế hoạch hành động quốc gia trong chăn nuôi và thủy sản năm 2017 nhằm giải quyết vấn đề kháng kháng sinh. Một trong những chiến lược là rà soát, sửa đổi và thực hiện các quy định và chính sách về sử dụng thuốc kháng sinh. Kể từ năm 2017, một số luật và nghị định đã được triển khai nhằm dần dần đạt được lệnh cấm hoàn toàn việc sử dụng thuốc kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi. Một số chiến lược hành động đã được đưa ra, tuy nhiên các chiến lược được phát triển chủ yếu bởi các cơ quan lập pháp nên các chiến lược này không được các bên liên quan khác nhau trong chuỗi kháng sinh thực sự hiểu, chấp nhận và áp dụng, đồng thời quá trình áp dụng chiến lược trong thực tiễn có nguy cơ xảy ra mâu thuẫn và xung đột với lợi ích kinh tế của một số bên liên quan. Nghiên cứu xã hội học trong dự án này là xác định những nút thắt và rào cản trong việc thực hiện các chiến lược hiện tại và đề xuất các giải pháp khả thi để khắc phục những rào cản này, từ đó nâng cao tính tuân thủ pháp luật với tình hình hiện tại của ngành (Batie et al., 2025). Đồng thời, nghiên cứu xã hội học trong Dự án ROADMAP đã đưa ra khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách giúp cải thiện khả năng chấp nhận các biện pháp và phát triển các chiến lược mới về giảm sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi và xây dựng sáng kiến địa phương nhằm thích ứng với những thay đổi này để phát triển chăn nuôi hữu cơ hoặc không có kháng sinh.

5. Kết luận

Sự kết hợp của xã hội học với các ngành khoa học khác trong quản lý bệnh lây truyền từ động vật sang người không chỉ thể hiện sự cần thiết của hợp tác liên ngành mà còn thể hiện vai trò quan trọng của xã hội học. Xã hội học đóng góp những hiểu biết quan trọng về hành vi của con người, các tập quán văn hóa, các thể chế xã hội và phản ứng của cộng đồng

ảnh hưởng đến động lực lây truyền bệnh và hiệu quả của các chiến lược can thiệp. Khi kết hợp với các lĩnh vực chuyên môn như dịch tễ học, khoa học thú y, sinh thái học và sức khỏe cộng đồng, xã hội học có thể mạnh trong phân tích sâu sắc về các yếu tố văn hóa xã hội ở cả cấp độ hành vi và cấp độ cấu trúc, làm nền tảng cho sự xác định các nguy cơ xuất hiện và lan truyền của các bệnh lây truyền từ động vật sang người. Đồng thời, nghiên cứu xã hội học cũng có khả năng đề xuất các biện pháp tác động xã hội nhằm kiểm soát các đợt bùng phát dịch.

Trong nghiên cứu liên ngành về quản lý bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, xã hội học cũng phải đối mặt với những thách thức đáng kể, từ những khác biệt về nền tảng nhận thức và lý thuyết đến sự chênh lệch về phương pháp luận và rào cản về ngôn ngữ thể hiện giữa các ngành kỹ thuật và khoa học xã hội và giữa các chuyên ngành của khoa học xã hội. Việc nhận ra và giải quyết những thách thức này là rất quan trọng để thúc đẩy các mô hình hợp tác gắn kết, có thể chuyển đổi hiệu quả các hệ thống kiến thức đa dạng thành các chính sách khả thi. Việc nhấn mạnh các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau giữa các ngành sẽ nâng cao năng lực phát triển các biện pháp can thiệp nhạy cảm với văn hóa, được xã hội chấp nhận và bền vững. Vai trò của xã hội học trong các nhóm liên ngành là không thể thiếu trong việc cung cấp bối cảnh văn hoá xã hội cần thiết để thiết kế các chiến lược toàn diện trong phòng ngừa và kiểm soát bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đối mặt trực tiếp với những thách thức trong hợp tác nghiên cứu và can thiệp liên ngành này không chỉ làm phong phú thêm hiểu biết khoa học mà còn tối đa hóa các nguồn lực xã hội trong các nỗ lực nghiên cứu bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, đồng thời cũng góp phần vào việc xây dựng hệ thống ứng phó y tế hiệu quả hơn.

Trong tương lai, sự phối hợp liên ngành giữa xã hội học và các khoa học thuộc lĩnh vực nhân y, thú y, dịch tễ và môi trường ngày càng cần thiết để hiểu rõ các cơ chế lây truyền, động lực xã hội, hành vi cộng đồng và tăng cường khả năng dự báo, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh một cách toàn diện và bền vững. Để phát huy vai trò của xã hội học trong phối hợp nghiên cứu, xây dựng và thực hành các can thiệp phù hợp với đặc điểm văn hóa, xã hội của từng cộng đồng, công tác truyền thông nâng cao ý thức cộng đồng và thúc đẩy sự hợp tác của người dân trong phòng chống dịch cần tập trung nhiều hơn vào nghiên cứu liên ngành dựa trên các mô hình tích hợp nhằm xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sự lây lan của bệnh. Đồng thời, tăng cường giao diện giữa khoa học và chính sách dựa trên các bằng chứng và dữ liệu thực tiễn đa ngành để tối ưu hóa các giải pháp can thiệp thông qua việc thiết lập các cơ chế chính sách bền vững, thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn giữa các nhà nghiên cứu xã hội, chuyên gia dịch tễ học, thú y và các nhà quản lý nhà nước.

Tài liệu tham khảo

- Ancheta, J., Fadaak, R., Anholt, R. M., Julien, D., Barkema, H. W., & Leslie, M. 2021. The origins and lineage of One Health, Part I. *The Canadian Veterinary Journal*, 62(8), 883.
- Anholt, R. M., Stephen, C., & Copes, R. 2012. Strategies for Collaboration in the Interdisciplinary Field of Emerging Zoonotic Diseases. *Zoonoses and Public Health*, 59(4), 229–240. <https://doi.org/10.1111/J.1863-2378.2011.01449.X>

- Bagnol, B., Alders, R., & McConchie, R. 2015. Gender Issues in Human, Animal and plant health using an Ecohealth Perspective. *Environment and Natural Resources Research*, 5(1), p62. <https://doi.org/10.5539/ENRR.V5N1P62>
- Bátie, C., Duy, N. Van, Minh Khue, N. T., Peyre, M., Bordier, M., Dien, N. T., Ton, V. D., & Goutard, F. 2025. Understanding the implementation of antimicrobial resistance policies in Vietnam: a multilayer analysis of the veterinary drug value chain. *Peer Community Journal*, 5, 000–000. <https://doi.org/10.24072/PCJOURNAL.512/>
- Bordier, M., Binot, A., Pauchard, Q., Nguyen, D. T., Trung, T. N., Fortané, N., & Goutard, F. L. 2018. Antibiotic resistance in Vietnam: Moving towards a One Health surveillance system. *BMC Public Health*, 18(1), 1–14. <https://doi.org/10.1186/S12889-018-6022-4/FIGURES/2>
- dos S. Ribeiro, C., van de Burgwal, L. H. M., & Regeer, B. J. 2019. Overcoming challenges for designing and implementing the One Health approach: A systematic review of the literature. *One Health*, 7, 100085. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.onehlt.2019.100085>
- Ellwanger, J. H., & Chies, J. A. B. 2021. Zoonotic spillover: Understanding basic aspects for better prevention. *Genetics and Molecular Biology*, 44(1 Suppl 1), e20200355. <https://doi.org/10.1590/1678-4685-GMB-2020-0355>
- Figué, M., Desvaux, S., Figué, M., & Desvaux, S. 2015. Managing Global Risks: Vietnamese Poultry Farmers and Avian Flu. *Socio-Ecological Dimensions of Infectious Diseases in Southeast Asia*, 257–273. https://doi.org/10.1007/978-981-287-527-3_15
- He, J., Guo, Z., Yang, P., Cao, C., Xu, J., Zhou, X., & Li, S. 2022. Social insights on the implementation of One Health in zoonosis prevention and control: a scoping review. *Infectious Diseases of Poverty*, 11(1), 1–11. <https://doi.org/10.1186/S40249-022-00976-Y/TABLES/2>
- Houghton, E., Nguyen, K. T. M., Syndicus, I., & Dien, N. T. 2025. Making a living and zoonotic disease risk management in coloured broiler poultry farms in Northern Viet Nam. *Agriculture and Human Values*, 1–17. <https://doi.org/10.1007/S10460-024-10696-8/TABLES/1>
- Jones, K. E., Patel, N. G., Levy, M. A., Storeygard, A., Balk, D., Gittleman, J. L., & Daszak, P. 2008. Global trends in emerging infectious diseases. *Nature*, 451(7181), 990–993. <https://doi.org/10.1038/nature06536>
- Keusch, G. T., Pappaioanou, M., Gonzalez, M. C., Scott, K. A., & Tsai, P. 2009. *Sustaining Global Surveillance and Response to Emerging Zoonotic Diseases Committee on Achieving Sustainable Global Capacity for Surveillance and Response to Emerging Diseases of Zoonotic Origin; National Research Council*. <http://www.nap.edu/catalog/12625.html>
- Khaitisa, M. L., Kaneene, J. B., Lumutenga, N. W., & Sengendo, M. 2017. The Intersectionality of Sociology and Health: Case Studies of the Effect of Culture on Disease. *PAMJ*. 2017; 27:13, 27(13). <https://doi.org/10.11604/PAMJ.SUPP.2017.27.4.12446>
- Latinne, A., & Padungtod, P. 2025. Wildlife Pathogens and Zoonotic Disease Risk Assessment in Vietnam: A Wildlife Trade Hotspot. *Transboundary and Emerging Diseases*, 2025(1), 4926262. <https://doi.org/10.1155/TBED/4926262>
- Leach, M., & Scoones, I. 2013. The social and political lives of zoonotic disease models: Narratives, science and policy. *Social Science & Medicine*, 88, 10–17. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.socscimed.2013.03.017>
- Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Thị Minh Khuê, Phạm Thị Thu Hà, A. E. 2024. *Tại sao vấn đề giới lại quan trọng trong ngăn ngừa và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm? - Chăn nuôi Việt Nam*. Nhà Chăn Nuôi. <https://nhachannuoi.vn/tai-sao-van-de-gioi-lai-quan-trong-trong-ngan-ngua-va-kiem-soat-cac-benh-truyen-nhiem/>
- OHHLEP. 2021. *Tripartite and UNEP support OHHLEP's definition of "One Health."* <https://www.who.int/news/item/01-12-2021-tripartite-and-unep-support-ohhlep-s-definition-of-one-health>

- One Health Poultry Hub*. (n.d.). Retrieved July 4, 2025, from <https://www.onehealthpoultry.org/>
- Peek, L., & Guikema, S. 2021. Interdisciplinary Theory, Methods, and Approaches for Hazards and Disaster Research: An Introduction to the Special Issue. *Risk Analysis*, 41(7), 1047–1058. <https://doi.org/10.1111/RISA.13777>
- ROADMAP - ROADMAP Homepage*. (n.d.). Retrieved July 4, 2025, from <https://www.roadmap-h2020.eu/>
- Rodela, R., Tucker, C. M., Šmid-Hribar, M., Sigura, M., Bogataj, N., Urbanc, M., & Gunya, A. 2019. Intersections of ecosystem services and common-pool resources literature: An interdisciplinary encounter. *Environmental Science & Policy*, 94, 72–81. <https://doi.org/10.1016/J.ENVSCI.2018.12.021>
- Roger, F., Olive, M.-M., Peyre, M., Pfeiffer, D., & Zinsstag, J. 2025. *One Health Atlas*. éditions Quae. <https://doi.org/10.35690/978-2-7592-4027-2>
- Dien, N. T., Thi Minh Khue, N., Etaba, A., Fournié, G., Huyen, L. T. T., Van Dai, N., Tuan, H. A., Duc, D. Van, Thi Thanh Hoa, P., Van Duy, N., Ton, V. D., & Alarcon, P. 2023. Mapping chicken production and distribution networks in Vietnam: An analysis of socio-economic factors and their epidemiological significances. *Preventive Veterinary Medicine*, 214, 105906. <https://doi.org/10.1016/J.PREVETMED.2023.105906>
- Van, T. T. H., Chin, J., Chapman, T., Tran, L. T., & Coloe, P. J. 2008. Safety of raw meat and shellfish in Vietnam: An analysis of *Escherichia coli* isolations for antibiotic resistance and virulence genes. *International Journal of Food Microbiology*, 124(3), 217–223. <https://doi.org/10.1016/j.ijfoodmicro.2008.03.029>